

Bản án số: 145/2022/DSPT

Ngày: 10/8/2022

V/v “*tranh chấp hợp*

đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lữ Thị Xuân Dương- Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa.*

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Xuân Đ (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Kh

Đều cư trú tại: Thôn H, xã Nhơn A, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Huy T; địa chỉ: Số 29 đường Lê Văn Th, tổ 12, khu vực 2, phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị H

2. Ông Lê Văn M

Đều cư trú tại: Thôn H, xã Nhơn A, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Chị Đặng Thị Ái Th; cư trú tại: số nhà 137/31/1 đường Trường C, khu vực C, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Xuân Đ - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân Đ trình bày:

Bà cho ông Đặng Văn Kh vay 26 lần với tổng số tiền là 9.560.000.000 đồng (chín tỷ năm trăm sáu mươi triệu). Các lần vay, ông Kh đều viết giấy nợ. Có khoản vay có thời hạn, có khoản vay không thời hạn, hai bên thỏa thuận lãi suất cụ thể theo các lần vay. Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn Kh, bà Võ Thị H phải trả cho bà 9.560.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi trên nợ gốc từ ngày 15/7/2019 âm lịch cho đến khi trả nợ xong. Bà thừa nhận đang giữ của ông Kh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00408/I5QSDĐ do UBND huyện A cấp ngày 30/7/1996 đứng tên Đặng Văn Kh.

Anh Trần Huy T đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Văn Kh trình bày:

Thừa nhận vay tiền của bà Phạm Thị Xuân Đ 26 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 29/9/2016, vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng; thời hạn vay một năm. Ông Kh đã trả lãi từ ngày 29/9/2016 đến ngày 20/7/2019 là 102.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc. Ông Kh yêu cầu tính lại tiền lãi khoản vay này theo quy định của Bộ luật Dân sự để trừ vào nợ gốc. Khoản vay này đã hết thời hiệu từ ngày 29/7/2020 nên không tính tiền lãi từ ngày 29/7/2020

Lần 2: Ngày 20/10/2017, vay 130.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn. Đã trả lãi đến ngày 20/7/2019 với tổng số tiền là 54.600.000 đồng

Lần 3: Ngày 26/10/2017, vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 26/7/2019 tổng số tiền là 42.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 27/10/2017, vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 27/7/2019 với tổng số tiền 54.600.000 đồng.

Lần 5: Ngày 08/01/2018, vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 08/7/2019 với tổng số tiền 90.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 18/02/2019 AL, vay 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn. Đã trả lãi đến ngày 15/7/2019AL tổng số tiền 177.600.000 đồng

Lần 7: Ngày 25/02/2019 AL, vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 0,3%/ngày, vay không thời hạn. Đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 211.500.000 đồng

Lần 8: Ngày 13/4/2019 AL, vay 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn. Đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 111.600.000 đồng

Lần 9: Ngày 18/4/2019 AL, vay 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 105.600.000 đồng

Lần 10: Ngày 20/4/2019 AL, vay 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 25.800.000 đồng

Lần 11: Ngày 02/5/2019 AL, vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 66.600.000 đồng

Lần 12: Ngày 09/5/2019 AL, vay 220.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 44.220.000 đồng

Lần 13: Ngày 16/5/2019 AL, vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 36.000.000 đồng

Lần 14: Ngày 23/5/2019 AL, vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 47.700.000 đồng

Lần 15: Ngày 25/5/2019 AL, vay 1.050.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 160.650.000 đồng

Lần 16: Ngày 06/6/2019 AL, vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 35.100.000 đồng

Lần 17: Ngày 12/6/2019 AL, vay 280.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 27.720.000 đồng

Lần 18: Ngày 15/6/2019 AL, vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 27.000.000 đồng

Lần 19: Ngày 23/6/2019 AL, vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 33.000.000 đồng

Lần 20: Ngày 6/7/2019 AL, vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 8.100.000.000 đồng

Lần 21: Ngày 08/7/2019 AL, vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miêng là 0,3%/ngày, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 15/7/2019 AL với số tiền 4.200.000.000 đồng

Lần 22: Ngày 16/7/2019 AL, vay 930.000.000 đồng. Vay không thời hạn. Ông Kh đã trả cho bà Đ 2.500 đồng/1.000.000đồng/ngày theo giấy nhận tiền của bà Đ ghi nhận của ông Kh từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2019 AL.

Lần 23: Ngày 21/7/2019 AL, vay 1.000.000.000 đồng. Vay không thời hạn. Ông Kh đã trả cho bà Đ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày theo giấy nhận tiền của bà Đ ghi nhận của ông Kh từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2019 AL.

Lần 24: Ngày 23/7/2019 AL, vay 200.000.000 đồng, không thời hạn. Ông Kh đã trả cho bà Đ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày theo giấy nhận tiền của bà Đ ghi nhận của ông Kh từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2019 AL.

Lần 25: Ngày 24/7/2019 AL, vay 400.000.000 đồng, không thời hạn. Ông Kh đã trả cho bà Đ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày theo giấy nhận tiền của bà Đ ghi nhận của ông Kh từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2019 AL.

Lần 26: Ngày 25/7/2019 AL, vay 600.000.000 đồng, không thời hạn. Ông Kh đã trả cho bà Đ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày theo giấy nhận tiền của bà Đ ghi nhận của ông Khoa từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2019 AL.

Tất cả các lần vay ông Khoa đều viết giấy nợ. Tính đến ngày 22/10/2019, ông Kh còn nợ gốc của bà Đ 7.046.564.795 đồng. Đây là nợ riêng của ông Kh không liên quan đến vợ ông Kh là bà Võ Thị H. Ông Khoa đồng ý trả nợ cho bà Đ nợ gốc 7.046.564.795 đồng. Yêu cầu bà Đ phải trả lại cho ông Kh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00408/I5 QSDĐ do UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp ngày 30/7/1996 đứng tên Đặng Văn Kh hiện do bà Đ đang giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị H trình bày: Bà là vợ ông Đặng Văn Kh. Bà không biết việc vay mượn tiền giữa ông Kh với bà Phạm Thị Xuân Đ nên bà không có trách nhiệm cùng ông Kh trả nợ cho bà Đ.

- Ông Lê Văn M trình bày: Ông là chồng bà Phạm Thị Xuân Đ. Ông thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Đ.

- Chi Đặng Thị Ái Th trình bày: Chị là con ông Đặng Văn Kh. Chị đã lập gia đình và ở riêng. Chị không biết việc vay nợ giữa ba chị và bà Đ. Thời gian nào chị không nhớ, bà Đ có gửi cho chị giữ dùm bọc tiền 100.000.000 đồng sau đó bà Đ đã lấy lại. Chị không vay tiền của bà Đ. Việc bà Đ gửi tiền cho chị rồi lấy lại không liên quan đến ba chị, ba chị không biết việc này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

1. Xác định ông Đặng Văn Kh nợ vợ chồng bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M số tiền 11.184.159.000 đồng (mười một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn), trong đó: tiền nợ gốc 9.053.929.000 đồng; tiền lãi 2.130.230.000 đồng

2. Buộc ông Đặng Văn Kh phải trả cho vợ chồng bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M số tiền 11.184.159.000 đồng (mười một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn)

3. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân Đ về việc yêu cầu bà Võ Thị H cùng có trách nhiệm trả nợ với ông Đặng Văn Kh.

4. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả lại cho ông Đặng Văn Kh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00408/I5 QSDĐ do UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp ngày 30/7/1996 đứng tên Đặng Văn Kh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/5/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân Đ kháng cáo yêu cầu bà Võ Thị H vợ ông Đặng Văn Kh phải có trách nhiệm cùng với ông Kh trả nợ cho vợ chồng bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Xuân Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân Đ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bà Võ Thị H (vợ ông Đặng Văn Kh) phải có trách nhiệm cùng với ông Kh trả nợ cho vợ chồng bà. Xét kháng cáo của bà Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Bà Đào cho ông Đặng Văn Kh vay tiền nhiều lần (26 lần) với tổng số tiền là 9.560.000.000 đồng. Ông Kh cũng công nhận vay của bà Đ 26 lần nhưng đã trả nợ cho bà Đ nhiều lần nên còn nợ gốc của bà Đ là 7.046.564.795 đồng tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông Kh phải trả cho vợ chồng bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M 11.184.159.000 đồng (trong đó nợ gốc: 9.053.929.000 đồng; lãi 2.130.230 đồng) nhưng bà Đ, ông Kh không kháng cáo.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ công nhận các lần ông Kh vay tiền, ông Kh đều viết và ký giấy nợ, không có bà Võ Thị H (vợ ông Đặng Văn Kh) tham gia. Ông Kh cũng khẳng định rằng việc ông nợ tiền của bà Đ là nghĩa vụ riêng của ông không liên quan đến bà H. Lời khai của bà Võ Thị H khẳng định bà không biết việc vay mượn tiền giữa ông Kh với bà Phạm Thị Xuân Đ nên bà không có trách nhiệm cùng ông Kh trả nợ cho bà Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Kh trả nợ cho vợ chồng bà Đ là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ yêu cầu bà Võ Thị H phải có trách nhiệm cùng với ông Đặng Văn Kh trả nợ cho vợ chồng bà.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Xuân Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 463 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Xuân Đ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân Đ đòi bà Võ Thị H (vợ ông Đặng Văn Kh) phải có trách nhiệm cùng với ông Đặng Văn Kh trả nợ cho vợ chồng bà.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005262 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh